TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 25-8-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Thao

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiền

Ông Nguyễn Ngọc Lâm

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thuỳ Linh – Thư ký Toà án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Toàn - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 217/2026/TLST- HNGĐ ngày 11-6-2026 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05-8-2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 2000.

Số căn cước: 015200002996; Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Đ (thôn L cũ), xã T, tỉnh Lào Cai.

- Bị đơn: Chị Vũ Thị O, sinh năm 1999.

Số Căn cước: 015199007069; Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ (thôn L cũ), xã T, tỉnh Lào Cai.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Anh Dương Anh T, sinh năm 1990 – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH HL – Chi nhánh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Vũ Thị O tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06-11-2020 tại UBND xã Đại Minh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (nay là UBND xã T, tỉnh Lào Cai). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ

chồng bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hoà giải nhưng không có kết quả, vợ chồng hiện đã ly thân không còn quan tâm đến nhau. Anh T xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn chị Vũ Thị O.

Về con chung: Anh và chị O có 02 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 27-8-2021 và Nguyễn Huyền M, sinh ngày 02-5-2025. Ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu K và chị O nuôi dưỡng cháu M. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Anh hiện có thu nhập trung bình hàng tháng là 15.000.000 đồng.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn là chị Vũ Thị O trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06-11-2020 tại UBND xã Đại Minh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (nay là UBND xã T, tỉnh Lào Cai). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hoà giải nhưng không có kết quả. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đồng ý ly hôn với Anh T.

Về con chung: Chị và Anh T có 02 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 27-8-2021 và Nguyễn Huyền M, sinh ngày 02-5-2025. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu Anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con là 2.500.000 đồng/1 tháng. Anh T có thu nhập trung bình hàng tháng là 12.000.000 đồng. Chị là lao động tự do, hiện đang nuôi con nhỏ nên thu nhập chưa ổn định.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Vũ Thị O.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 27-8-2021 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Giao cháu Nguyễn Huyền M, sinh ngày 02-5-2025 cho chị Vũ Thị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Anh T và chị O không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về án phí: Anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn chị Vũ Thị O có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Lào Cai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Vũ Thị O kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Minh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (nay là UBND xã T, tỉnh Lào Cai) ngày 06-11-2020 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn Anh T và chị O chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Anh T, chị O đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn. Từ thực tế cuộc sống hôn nhân cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa Anh T và chị O đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Anh T, cho Anh T được ly hôn chị O.

[3] Về con chung: Anh T và chị O có 02 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 27-8-2021 và Nguyễn Huyền M, sinh ngày 02-5-2025. Chị O đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con, tuy nhiên chị O hiện không có thu nhập ổn định nên không đảm bảo điều kiện để nuôi dưỡng cả hai con. Tuy nhiên cháu M còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ nên giao cháu M cho chị O nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T có thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, do đó để đảm bảo quyền, lợi ích của con nên giao cháu K có Anh T nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Mỗi đương sự đều có nghĩa vụ nuôi dưỡng một con

nên xét thấy đề nghị không ai phải cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn là phù hợp, không chấp nhận yêu cầu của chị O về việc buộc Anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T và chị O không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Vũ Thị O.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 27-8-2021 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Nguyễn Huyền M, sinh ngày 02-5-2025 cho chị Vũ Thị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Anh T và chị O không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí Anh T đã nộp theo biên lai số: 0002307 ngày 11-6-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hh án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7,36 và 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND KV2 – Lào Cai;
- THADS KV2 – Lào Cai;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thao